

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2021/HS-ST

Ngày: 21-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Xuân Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kiên Hiền

Ông Nguyễn Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 119/2020/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/HSST-QĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

TRẦN LÊ TRỌNG H, giới tính: Nam, sinh ngày 08-7-1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: 164/4/3 Nguyễn Văn Trỗi, Phường A quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 1036/52/14 Cách Mạng Tháng 8, Phường B quận T Thành phố Hồ Chí Minh nghề nghiệp: Nhân viên thu cước dịch vụ; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Trần Cử T và bà Lê Ngọc H (chết); tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 16-9-2020. (Có mặt).

Nguyên đơn dân sự: Trung tâm kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông.

Địa chỉ: 121 Pasteur, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Võ Thị Sáu).

Có bà Vũ Thị Tuyết Anh đại diện (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ 121 Pasteur, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị kinh tế trực thuộc, hạch toán phụ thuộc, hoạt động dưới hình thức chi nhánh của Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông, được phép kinh doanh các sản phẩm dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin, các dịch vụ nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng...; được thực hiện ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân để thu cước dịch vụ viễn thông tại địa chỉ các khách hàng của VNPT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và thanh toán chế độ thù lao theo quy định của Trung tâm.

Ngày 01-7-2018, Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh có ký kết hợp đồng thu cước dịch vụ viễn thông tại địa chỉ khách hàng số 453/HĐ - TTKD - NVC, Phụ lục 1 thù lao thu cước với Trần Lê Trọng H. Để thực hiện công việc thu cước, H mở thẻ loại Banknetvn có số tài khoản ký quỹ 970429xx9889, số tiền ký quỹ 15.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Phòng giao dịch bán hàng khu vực Gia Định có nhiệm vụ quản lý đại lý thu cước cá nhân của Trần Lê Trọng H (Mã đại lý thu cước 21.021, thu cước bằng máy Pos số Imei 355339068215550 của Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh).

Theo hợp đồng số 453/HĐ-TTKD-NVC ngày 01-7-2018 xác định công việc của Trần Lê Trọng H được thu cước dịch vụ viễn thông – Công nghệ thông tin, bao gồm thu cước phát sinh và thu nợ nếu có; Phát hóa đơn VT01, hóa đơn điện tử, hóa đơn chuyển đổi (nếu có).

Về quy trình thu cước được quy định: Sau khi thu được tiền cước của khách hàng phải tiến hành gạch nợ ngay lập tức trên máy Pos và giao biên nhận thanh toán cho khách hàng, đồng thời giữ lại biên nhận xác nhận giao dịch tài khoản thẻ thành công để đối chiếu với ngân hàng BIDV khi cần thiết; hàng ngày phải chủ động tổng kết số tiền thu cước trên máy Pos trước 15 giờ 30 phút để Ngân hàng chuyển tiền thu cước trong tài khoản ký quỹ của H cho Trung tâm Kinh doanh. Nếu tiếp tục thu sau 15 giờ 30 phút thì sẽ thực hiện tổng kết số lượng thêm 01 lần vào cuối ngày. Sau khi thực hiện tổng kết thì tuyệt đối không được hủy đối với các mã đã thanh toán giao dịch; phải nộp đầy đủ số tiền thu được trong ngày vào tài khoản thẻ ký quỹ để khôi phục số tiền ký quỹ trở về ban đầu (15.000.000 đồng), trường hợp thu cước sau giờ tổng kết thì phải nộp tiền cước trong vòng 18 tiếng kể từ thời điểm thu cước; khi hủy trả trên máy Pos, phải hủy bên ngân hàng và VNPT, không được chỉ hủy ngân hàng, không hủy VNPT.

Từ ngày 01-9-2018 đến ngày 01-11-2018, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thu cước điện thoại, internet của khách hàng, sau khi thu được cước phí bằng tiền mặt và tiến hành thao tác gạch nợ trên máy Pos để in biên nhận đã thanh toán cho khách hàng, H nhiều lần thực hiện hủy trên hệ thống máy Pos nhưng không hủy trên hệ thống thu cước của VNPT và không nộp biên nhận thanh toán đã hủy về cho nhân

viên quản lý để Ngân hàng BIDV không khấu trừ số tiền trong tài khoản ký quỹ của Hiếu về cho Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh, với mục đích trong tài khoản ký quỹ còn tiền để H tiếp tục thu tiền cước của khách hàng khác. Số tiền mặt thu được của khách hàng, H giữ lại 01 phần, còn lại Hiếu nộp vào các thẻ số 5102350162338607 và 9704290808329889 thuộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) để H có thể rút tiền mặt ra được. Để tránh việc khách hàng bị cắt dịch vụ, đầu tháng tiếp theo sau tháng thu cước của khách hàng, H nộp tiền đủ số tiền đã thu của khách hàng tại các Bưu cục, Bưu điện của VNPT trước ngày 05, 06 hàng tháng. Với thủ đoạn và cách thức nêu trên, H đã thu cước phí internet, điện thoại của 46 khách hàng (Danh sách kèm theo tại Bút lục số 195-198) với tổng số tiền 124.776.009 đồng nhưng không giao nộp cho Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh mà chiếm đoạt sử dụng cho mục đích cá nhân.

Ngày 01-11-2018, Trung tâm Kinh doanh VNPT phát hiện vụ việc H thu tiền cước nhưng không giao nộp lại Trung tâm theo quy định, yêu cầu Hiếu trả tiền cho Trung tâm nhưng lúc này H đã tự ý bỏ việc, không có mặt tại nơi cư trú. Đến ngày 12-11-2018, H giao lại máy Pos số Imei: 355339068215550 cho ông Trần Cử T (cha ruột) để giao trả cho Phòng giao dịch bán hàng khu vực Gia Định. Ngày 15-11-2018, H và gia đình đã chuyển 124.776.009 đồng vào tài khoản số 0010100044080001 của Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) để khắc phục số tiền chiếm đoạt (Bút lục 200 - 205).

Nhận được trình báo của Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 tiến hành điều tra và xác định hành vi của Trần Lê Trọng H đã phạm tội “Tham ô tài sản” nên tiến hành khởi tố để điều tra xử lý. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3, bị can Trần Lê Trọng H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với toàn bộ tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, bị can H bị bệnh ung thư vòm hầu giai đoạn IVB nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 đã trưng cầu giám định sức khỏe. Tại Bản kết luận giám định pháp y về sức khỏe số 24/SK.20 ngày 28-7-2020 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đối với Trần Lê Trọng H, xác định: “*Hiện tỉ lệ tổn thương về cơ thể do bệnh là 90%*”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị can Trần Lê Trọng H đã tự nguyện hoàn trả số tiền 124.776.009 đồng cho Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 94/CT-VKS-HS ngày 30-11-2020 Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố bị cáo Trần Lê Trọng H về “Tội tham ô tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù.

Bị cáo Trần Lê Trọng H đã nhận thấy hành vi vi phạm pháp luật của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 01-7-2018, Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh có ký kết hợp đồng số 453/HĐ - TTKD – NVC và Phụ lục 1 thù lao thu cước dịch vụ viễn thông tại địa chỉ khách hàng với Trần Lê Trọng H. Theo hợp đồng số 453/HĐ-TTKD-NVC ngày 01-7-2018, xác định công việc của Trần Lê Trọng H được thu cước dịch vụ viễn thông – Công nghệ thông tin, bao gồm thu cước phát sinh và thu nợ nếu có; phát hóa đơn VT01, hóa đơn điện tử, hóa đơn chuyển đổi.

Theo quy định của hợp đồng, sau khi thu được tiền cước của khách hàng phải tiến hành gạch nợ ngay lập tức trên máy Pos; hàng ngày phải chủ động tổng kết số tiền thu cước trên máy Pos trước 15 giờ 30 phút để Ngân hàng chuyển tiền thu cước trong tài khoản ký quỹ của H cho Trung tâm Kinh doanh VNPT; khi hủy trả trên máy Pos, phải hủy bên ngân hàng và VNPT, không được chỉ hủy ngân hàng, không hủy VNPT. Trong quá trình thu cước của khách hàng, ngày 01-11-2018 Trung tâm Kinh doanh VNPT phát hiện vụ việc H thu tiền cước nhưng không giao nộp lại Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định với tổng số tiền 124.776.009 đồng mà chiếm đoạt sử dụng cho mục đích cá nhân là bị cáo đã phạm “Tội tham ô tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Trần Lê Trọng H hoàn toàn biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi sai trái sẽ bị xã hội lên án, pháp luật trừng trị. Nhưng do muốn có tiền để tiêu xài và phục vụ cho mục đích ích kỷ của cá nhân nên bị cáo đã bất chấp lao vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý tài sản nói chung, quản lý tài chính, kinh tế nói riêng.

[4] Tuy nhiên cũng xét tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ thật sự ăn năn hối cải; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; mục đích chính của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội là muốn có tiền để chữa bệnh và bản thân hiện nay đang bị bệnh nan y (ung thư vòm hầu giai đoạn IVB);

quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả; do đó áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới khung theo như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[5] Về hậu quả của vụ án: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và phía Trung tâm Kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh không có yêu cầu gì thêm do đó tòa miễn xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Lê Trọng H đã phạm “Tội tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trần Lê Trọng Hiếu 04 (bốn) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt chấp hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH3 ngày 25-11-2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA